

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY XUYỀN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28-04-2022
V/v "Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUY XUYỀN-TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Thành;

Bà Nguyễn Thị Xuân Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 04 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022, về tranh chấp: "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 04 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị T, sinh năm 1970;

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đăng H, sinh năm 1969.

Cùng trú tại: Khối phố B, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam.

Nguyên đơn, bị đơn đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 14/02/2022 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Võ Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị T và anh Nguyễn Đăng H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam vào năm 1991. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

là do vợ chồng không có con, anh Nguyễn Đăng H thường xuyên uống rượu bia về đập phá nhà cửa, chửi bới, xúc phạm và đuổi chị T ra khỏi nhà. Từ đó, tình cảm vợ chồng sút mẻ không hòa hợp, không thể tiếp tục chung sống được. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và đến nay đã quá trầm trọng nên chị T yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Đăng H.

- Về con chung: không có con chung.
- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.
- Về nghĩa vụ chung vợ chồng: không có.

** Bị đơn anh Nguyễn Đăng H trình bày tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đăng H thống nhất về thời gian và nơi đăng ký kết hôn như chị T trình bày. Hôn nhân cả hai tự nguyện. Vợ chồng anh chung sống không hạnh phúc do không có con cái. Anh hay buồn bực nên có uống rượu, gây gổ với chị T và có đuổi chị T ra khỏi nhà trong lúc tức giận. Chị T bỏ nhà đi từ đầu năm 2022 đến nay, bản thân anh thường hay đau ốm nằm viện, chị T không quan tâm tới anh. Nhiều lần anh điện thoại năn nỉ chị T về chung sống nhưng chị T vẫn không về. Anh xét thấy còn tình cảm vợ chồng nên không thống nhất ly hôn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ chung sống.

- Về con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung vợ chồng: anh H thống nhất theo như lời trình bày của chị Võ Thị T.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý và Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của các đương sự đảm bảo kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Võ Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đăng H.

Những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

- 01 giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), 01 chứng chỉ tiền hôn nhân (bản chính).
- 01 sổ hộ khẩu (bản sao)
- 01 đơn xin xác nhận nơi cư trú.
- 02 Giấy chứng minh nhân dân (bản sao)
- 01 đơn xác nhận nơi cư trú.

- Biên bản lấy lời khai của bị đơn.
- Biên bản xác minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Võ Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Đăng H. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là: "*Ly hôn*", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị Võ Thị T và anh Nguyễn Đăng H kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D (nay là thị trấn N), huyện D vào năm 1991, nên quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị T và anh Nguyễn Đăng H là hợp pháp.

Theo lời trình bày của anh chị và qua xác minh tại địa phương thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh Nguyễn Đăng H thường xuyên uống rượu, gây gỗ, chửi bới xúc phạm, đuổi chị T ra khỏi nhà. Chị T và anh H đã không còn sống chung với nhau từ đầu năm 2022 cho đến nay. Trước đây, chị T đã yêu cầu ly hôn anh H, được Tòa án hòa giải về chung sống nhưng mâu thuẫn tiếp tục xảy ra. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần hòa giải để vợ chồng đoàn tụ chung sống nhưng không thành. Tại phiên tòa, anh H cam kết không tiếp tục uống rượu, khắc phục mâu thuẫn để về chung sống. Tuy nhiên, chị T cho rằng cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, kéo dài, nên cương quyết yêu cầu ly hôn anh H. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị T, cho chị Võ Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đăng H.

- Về con chung: vợ chồng không có con chung.
- Về tài sản chung: chị T và anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.
- Về nghĩa vụ chung vợ chồng: chị Thịnh và anh Hải đều xác định không có nghĩa vụ chung.

[3] Về án phí: Chị Võ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56 và Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Võ Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đăng H.
2. Về án phí: Chị Võ Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Võ Thị T đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu số 1899 ngày 21/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/4/2022).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Q;
- VKSND huyện D ;
- Chi cục THADS huyện D;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Trần Văn Sinh